

XÂY DỰNG CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CẤP TỈNH CHO VIỆT NAM

Design the provincial sustainable development index (PSDI) for Vietnam

PHẠM MỸ HẰNG PHƯƠNG

Nghiên cứu được tiến hành nhằm xây dựng chỉ số phát triển bền vững cấp tỉnh cho Việt Nam, dựa trên các mục tiêu về phát triển bền vững của Liên hợp quốc. Tuy nhiên, căn cứ vào các chỉ tiêu thống kê về phát triển bền vững của Việt Nam, tính sẵn có của số liệu và tính phù hợp của dữ liệu trong đo lường phát triển bền vững cấp tỉnh, tác giả chỉ đề xuất 13 chỉ số thành phần, đại diện cho 13 mục tiêu phát triển bền vững trong việc xây dựng chỉ số phát triển bền vững cấp tỉnh của Việt Nam. Kết quả nghiên cứu và tính toán chỉ ra rằng, Thành phố Hồ Chí Minh là địa phương đứng đầu về chỉ số phát triển bền vững cấp tỉnh, do những vượt trội trong việc thực hiện các mục tiêu về xóa đói, đảm bảo an ninh lương thực, cải thiện dinh dưỡng, xây dựng cơ sở hạ tầng có khả năng chống chịu cao, thúc đẩy công nghiệp hóa bao trùm, bền vững và tăng cường đổi mới. Cao Bằng là tỉnh có điểm về chỉ số phát triển bền vững cấp tỉnh thấp nhất.

Từ khóa: phát triển bền vững, chỉ số, địa phương.

The study is conducted to construct the Provincial Sustainable Development Index (PSDI) for Vietnam, following sustainable development goals (SDGs) of the United Nations. However, based on the statistical indicators of sustainable development in Vietnam, the availability of data and the relevance of the data in measuring sustainable development at the provincial level, the author proposes 13 indicators, representing 13 sustainable development goals in the development of the PSDI index of Vietnam. Research and calculation results show that Ho Chi Minh City is at the top of the provincial sustainable development index, due to its outstanding achievements in hunger eradication and food security, nutrition improvement, resilient infrastructure, sustainable industrialization, and innovation fostering. Cao Bang Province is the province with the lowest PSDI score.

Keywords: sustainable development, index, localities.

1. Mở đầu

Phát triển kinh tế - xã hội và trọng tâm hơn nữa, phát triển theo hướng bền vững là nỗ lực mà nhiều tổ chức, quốc gia trên thế giới theo đuổi, trong đó có Việt Nam. Chính phủ Việt Nam hướng tới duy trì tăng trưởng kinh tế bền vững đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái, quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, chủ động ứng phó với

biến đổi khí hậu; đảm bảo mọi người dân được phát huy mọi tiềm năng, tham gia và hưởng thụ bình đẳng thành quả của phát triển; xây dựng một xã hội Việt Nam hòa bình, thịnh vượng, bao trùm, công bằng, dân chủ, văn minh và bền vững. Hướng tới phát triển bền vững, Việt Nam đã xây dựng

Phạm Mỹ Hằng Phương, TS., Học viện Chính sách và phát triển.

bộ 17 mục tiêu phát triển bền vững, dựa trên các mục tiêu được công bố bởi Liên hợp quốc, như: xóa nghèo, không còn nạn đói, hướng tới nước sạch và vệ sinh, tiêu thụ và sản xuất có trách nhiệm, giảm bất bình đẳng...

Nhằm đánh giá việc thực hiện các mục tiêu kể trên, nhiều nghiên cứu của các tổ chức trong và ngoài nước đã được thực hiện. Tuy nhiên, các các mục tiêu phát triển bền vững chưa được định lượng bằng các chỉ số cụ thể, nên việc đánh giá còn gặp nhiều khó khăn. Đồng thời, việc đánh giá mức độ phát triển bền vững ở Việt Nam mới chỉ tập trung vào tổng thể quốc gia, mà chưa xây dựng cho cấp độ tỉnh, thành phố. Vì thế, nghiên cứu này được thực hiện nhằm xây dựng chỉ số phát triển bền vững cấp tỉnh (PSDI - provincial sustainable development index) cho Việt Nam, từ đó, đánh giá mức độ phát triển bền vững của từng địa phương theo từng chỉ tiêu thành phần. Bên cạnh đó, việc xác định chỉ số với thang điểm 100 cho phép so sánh mức độ phát triển bền vững của các địa phương trong nước, đưa ra bảng xếp hạng có ý nghĩa và giá trị cao.

2. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

2.1. Tổng quan về phát triển bền vững

Hiện nay, trên thế giới có nhiều khái niệm khác nhau về phát triển bền vững. Sự khác biệt trong phạm vi, giới hạn của khái niệm này phụ thuộc vào từng quốc gia, từng vùng lãnh thổ. Tuy nhiên, bản chất cốt lõi của phát triển bền vững đều khá tương đồng. Một trong những khái niệm đầu tiên được đưa ra bởi Camagni (2017), ở đó, phát triển bền vững là sự phát triển nhằm mục đích tạo ra một quy mô lớn về chính trị, kinh tế và văn hóa, kết nối hài hòa các yêu cầu về môi trường với các yêu cầu của phát triển kinh tế và mang tính lâu dài. Do đó, lợi ích của các thể hệ tương lai được đặt rõ ràng bên cạnh lợi ích của các thể hệ hiện tại và các quá

trình tối ưu hóa kinh tế bị hạn chế bởi khả năng tái tạo hạn chế của sinh quyển.

Bên cạnh định nghĩa của Camagni, một trong những định nghĩa nhận được sự đồng tình cũng như sử dụng của nhiều nhà khoa học trên thế giới là định nghĩa của Ủy ban Thế giới về môi trường và phát triển của Liên hợp quốc (1987). Theo đó, phát triển bền vững là “sự phát triển đáp ứng được các nhu cầu của hiện tại nhưng không làm tổn thương đến các khả năng đáp ứng nhu cầu của thế hệ tương lai”. Mở rộng quan điểm nêu trên, Mensah (2019) cho rằng, định hướng phát triển bền vững cung cấp một cơ chế mà qua đó xã hội có thể tương tác với môi trường, trong khi không có nguy cơ gây tổn hại nguồn lực cho tương lai. Do đó, phát triển bền vững có thể xem như một mô hình phát triển nhằm kêu gọi cải thiện mức sống mà không gây nguy hiểm cho hệ sinh thái của trái đất hoặc gây hại cho môi trường.

2.2. Tổng quan về các mục tiêu phát triển bền vững

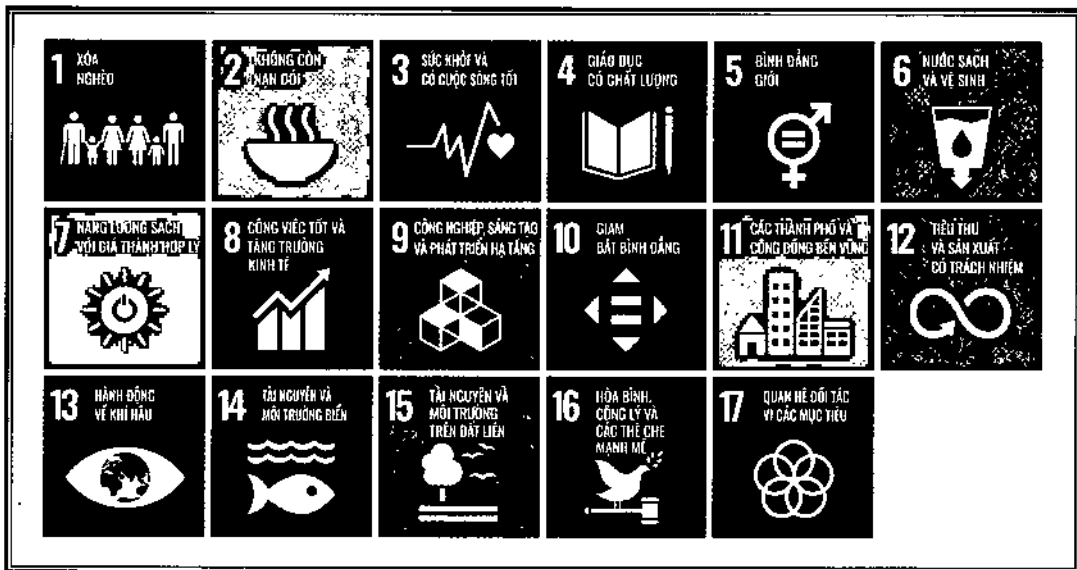
a. Các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc

Các mục tiêu phát triển bền vững (sustainable development goals - SDG), hay còn được gọi là mục tiêu toàn cầu, là các mục tiêu tổng quát được xây dựng nhằm chấm dứt đói nghèo, bảo vệ hành tinh và đảm bảo rằng tất cả mọi người được hưởng hòa bình và thịnh vượng vào năm 2030 ở tất cả các quốc gia thành viên của Liên hợp quốc. Các mục tiêu phát triển bền vững là sự tiếp nối của các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ (millennium development goals) (UNDP, 2018). Các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ trước đây bao gồm sáu chủ đề: nhân phẩm, con người, hành tinh, quan hệ đối tác, công lý và thịnh vượng. Trong khi đó, các mục tiêu phát triển bền vững toàn diện hơn, với 17 mục tiêu tổng quát, được cụ thể hóa bởi

169 mục tiêu thành phần. Những mục tiêu này không chỉ dừng lại ở phát triển kinh tế, xã hội, mà còn bao gồm các lĩnh vực về: biến đổi khí hậu, bất bình đẳng kinh tế, đổi mới, tiêu thụ bền vững, hòa bình, công

bằng... Các mục tiêu có mối quan hệ chặt chẽ với nhau và việc thực hiện thành công một mục tiêu là nền tảng quan trọng trong việc đạt được các mục tiêu còn lại (Liên hợp quốc, 2014).

HÌNH 1:17 mục tiêu phát triển bền vững



Nguồn: Liên hợp quốc (2014).

b. Các mục tiêu phát triển bền vững ở Việt Nam

Năm 2017, Chính phủ Việt Nam và Liên hợp quốc đã xây dựng kế hoạch chiến lược chung nhằm lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững vào Chiến lược phát triển kinh tế, xã hội 2016 - 2020 và Kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội 2016 - 2020. Kế hoạch này tập trung vào bốn lĩnh vực chính, thể hiện cách thức thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam. Cụ thể:

Lĩnh vực 1: tập trung đầu tư vào con người.

- **Tầm nhìn:** cung cấp các dịch vụ và bảo trợ xã hội có chất lượng, công bằng, bao trùm và toàn diện cho những người sống ở Việt Nam để đảm bảo sức khỏe, giáo dục, thoát nghèo và trao quyền để họ phát huy đầy đủ tiềm năng.

- Lĩnh vực này bao gồm các mục tiêu: (1) xóa nghèo; (2) không còn nạn đói; (3) sức khỏe và có cuộc sống tốt; (4) giáo dục có chất lượng; (5) bình đẳng giới; (6) nước sạch và vệ sinh.

Lĩnh vực 2: đảm bảo khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu và môi trường bền vững.

- **Tầm nhìn:** đáp ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu và thiên tai, cũng như quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên và môi trường.

- Lĩnh vực này bao gồm các mục tiêu: (2) không còn nạn đói; (5) bình đẳng giới; (6) nước sạch và vệ sinh; (7) năng lượng sạch với giá thành hợp lý; (9) công nghiệp, sáng tạo và phát triển hạ tầng; (11) các thành phố và cộng đồng bền vững; (12) tiêu thụ và sản xuất có trách nhiệm; (13) hành động về khí hậu; (14) tài nguyên và môi trường biển và (15) tài nguyên và môi trường trên đất liền.

Lĩnh vực 3: thịnh vượng và hợp tác

- Tầm nhìn: chuyển sang mô hình tăng trưởng toàn diện, bền vững và năng suất, cũng như tạo ra một thị trường lao động công bằng hơn, hiệu quả hơn và toàn diện, đảm bảo công việc và cơ hội cho tất cả mọi người.

- Lĩnh vực này bao gồm các mục tiêu: (5) bình đẳng giới; (6) nước sạch và vệ sinh; (10) các thành phố và cộng đồng bền vững; (12) tiêu thụ và sản xuất có trách nhiệm và (17) quan hệ đối tác vì các mục tiêu.

Lĩnh vực 4: mục tiêu thúc đẩy công lý, hòa bình và quản trị toàn diện.

- Tầm nhìn: tăng cường quản trị và tuân thủ các quy định của pháp luật, đảm bảo tôn trọng và bảo vệ quyền con người và tự do khỏi phân biệt đối xử, hướng tới một xã hội công bằng và toàn diện hơn.

- Lĩnh vực này bao gồm các mục tiêu: (5) bình đẳng giới; (10) giảm bất bình đẳng và (16) hòa bình, công lý và các thể chế mạnh mẽ.

2.3. Tổng quan về các phương pháp xác định chỉ số phát triển bền vững

Hiện nay, có nhiều phương pháp xác định chỉ số phát triển bền vững khác nhau, nhưng tựu chung lại, đều dựa trên nền tảng phương pháp được sử dụng bởi World Bank, do Lafortune và cộng sự (2016) đề xuất và ADB, do McKinley (2010) xây dựng.

a. Phương pháp McKinley (2010)

Chỉ số McKinley được xây dựng dựa trên những chỉ số phù hợp trong các lĩnh vực về: (i) tăng trưởng, năng suất lao động và hạ tầng kinh tế; (ii) thu nhập và công bằng; (iii) khả năng con người; (iv) bảo trợ xã hội. Căn cứ trên các chỉ số này, nhóm tác giả có thể đưa ra những chuẩn đoán bằng phương pháp xác định trọng số và cho điểm. Chỉ số này được xây dựng dựa trên một bộ các chỉ số đo lường các hoạt động kinh tế và xã hội cụ thể, bao gồm: (i) các chỉ tiêu về tăng trưởng kinh tế, năng suất

lao động và hạ tầng kinh tế; (ii) các chỉ tiêu về giảm nghèo, thu nhập và công bằng chung; (iii) các chỉ tiêu về bình đẳng giới; (iv) các chỉ tiêu về khả năng con người; (v) các chỉ tiêu về bảo trợ xã hội và (vi) các chỉ tiêu về quản trị thúc đẩy.

Phương pháp cho điểm và xác định trọng số các chỉ số thành phần: chỉ số McKinley là một chỉ số tổng hợp, dựa trên phương pháp tính điểm và trọng số các chỉ số đo lường phát triển bền vững thành phần. Điểm số khác nhau dựa trên những đánh giá thực tế đối với từng bộ chỉ số của từng nước, có thể được sử dụng để so sánh sự khác biệt giữa các quốc gia. Phương pháp McKinley sử dụng trọng số bằng nhau cho các chỉ số thành phần.

Hệ thống tính điểm: chỉ số tổng hợp được xây dựng trên việc cho điểm trung bình từ 0-10 tùy vào mức độ thực hiện phát triển bền vững ở mỗi quốc gia theo bốn thành phần. Như đã giải thích ở trên, mỗi một thành phần được đánh trọng số trung bình của các thành phần nhỏ. Kết quả cuối cùng là điểm số từ 1-3 tương đương với việc được đánh giá “không hài lòng” về phát triển bền vững, điểm số từ 4-7 là “hài lòng” và điểm số 8-10 là “tiên bộ vượt trội” về phát triển bền vững.

b. Phương pháp Lafortune và cộng sự (2016)

Tháng 9-2015, các nhà lãnh đạo trên toàn cầu đã thông qua Chương trình nghị sự 2030 về Phát triển bền vững với 17 mục tiêu phát triển (SDGs). Để hỗ trợ các quốc gia đo lường, đánh giá mức độ phát triển bền vững, Bertelsmann Stiftung và mạng lưới phát triển bền vững (SDSN) đã cùng nhau xây dựng bộ chỉ số phát triển bền vững SDG đầu tiên vào tháng 7 năm 2016, với phương pháp xây dựng được đề xuất bởi Lafortune và cộng sự (2016). Bộ chỉ số được xây dựng dựa trên 17 mục tiêu phát triển bền vững với 169 mục tiêu cụ thể.

Việc lựa chọn chỉ số thành phần của Lafortune và cộng sự (2016) được dựa trên năm tiêu chí. *Thứ nhất*, các chỉ số thành phần phải phù hợp với các mục tiêu phát triển bền vững và có thể áp dụng được cho nhiều quốc gia trên thế giới. *Thứ hai*, việc tính toán và đo lường các chỉ số thành phần cần đáng tin cậy. *Thứ ba*, các chỉ số thành phần được tính toán và cập nhật liên tục với kế hoạch cụ thể. *Thứ tư*, chất lượng của dữ liệu tính toán các chỉ số thành phần cần đảm bảo. *Thứ năm*, dữ liệu về các chỉ số thành phần cần sẵn có cho ít nhất 80% trong số 149 quốc gia thành viên Liên hợp quốc với dân số lớn hơn một triệu. Tương tự phương pháp của McKinley (2010), phương pháp đề xuất của Lafortune và cộng sự (2016) sử dụng phương pháp cho điểm định khoảng và tỷ trọng bằng nhau giữa các chỉ số thành phần.

3. Phương pháp nghiên cứu

Tác giả vận dụng có lựa chọn phương pháp xác định chỉ số được đề xuất bởi Lafortune và cộng sự (2016) và McKinley (2010), kết hợp với phương pháp định tính khác để lựa chọn các chỉ tiêu thành phần, xử lý số liệu và tích hợp các chỉ số thành phần nhằm xác định chỉ số phát triển bền vững cấp tỉnh (PSDI) cho Việt Nam.

3.1. Lựa chọn các chỉ số thành phần

Việc lựa chọn các chỉ số thành phần được thực hiện dựa trên các căn cứ sau:

Các mục tiêu phát triển bền vững của thế giới và Việt Nam.

- Các chỉ tiêu thống kê về phát triển bền vững được ban hành tại Thông tư 03/2019 của Bộ Kế hoạch và đầu tư.

- Tính sẵn có của số liệu (số liệu được thu thập từ Tổng cục Thống kê (2020a, 2020b), kết quả các cuộc điều tra mức sống hộ gia đình, dân số và nhà ở, Niên giám Thống kê y tế năm 2019, Niên giám Thống kê địa phương năm 2019, Báo cáo PCI năm 2019). Để đảm bảo ý nghĩa của chỉ số thành

phần, các chỉ số thành phần chỉ được đưa vào tính toán khi dữ liệu về chỉ số này có thể thu thập được cho ít nhất 80% số tỉnh trên cả nước. Trong trường hợp dữ liệu không được công bố thường xuyên và chưa được cập nhật mới nhất tới năm 2019, tác giả sử dụng dữ liệu của năm gần nhất.

- Tính phù hợp của dữ liệu trong đo lường phát triển bền vững cấp tỉnh.

- Khả năng thay thế (tác giả thay thế một số chỉ số không đảm bảo tính sẵn có của số liệu bằng các chỉ tiêu tương đương).

Từ các căn cứ trên, tác giả lựa chọn 71 chỉ số thành phần, nhằm cho điểm 13 trong số 17 mục tiêu phát triển bền vững của thế giới. Các mục tiêu phát triển bền vững được lựa chọn làm căn cứ tính toán chỉ số phát triển bền vững trong nghiên cứu bao gồm: mục tiêu 1 - xóa nghèo; mục tiêu 2 - xóa đói; mục tiêu 3 - cuộc sống khỏe mạnh; mục tiêu 4 - chất lượng giáo dục; mục tiêu 5 - bình đẳng giới; mục tiêu 6 - nước sạch và vệ sinh; mục tiêu 7 - việc làm đầy đủ và tăng trưởng kinh tế; mục tiêu 8 - công nghiệp, đổi mới và cơ sở hạ tầng; mục tiêu 9 - giảm bất bình đẳng; mục tiêu 10 - đô thị và cộng đồng bền vững; mục tiêu 11 - tài nguyên đất; mục tiêu 12 - hòa bình, công bằng và thể chế vững mạnh và mục tiêu 13 - hợp tác để thực hiện hóa các mục tiêu.

3.2. Phương pháp xác định chỉ số phát triển bền vững cấp tỉnh (PSDI)

Quy trình xác định PSDI bao gồm bốn bước như sau:

- Bước 1: kiểm duyệt giá trị cực của các chỉ số thành phần

- Bước 2: xác định ngưỡng tối ưu của các chỉ số thành phần

- Bước 3: cho điểm các tỉnh theo chỉ số thành phần nhằm đảm bảo tính so sánh giữa các chỉ số

- Bước 4: tổng hợp các chỉ số thành phần thành chỉ số PSDI tổng thể.

Nội dung cụ thể của các bước như sau:

Bước 1: Kiểm duyệt giá trị cực của các chỉ số thành phần. Để loại bỏ ảnh hưởng của các giá trị cực (có thể ảnh hưởng tới tính chính xác của chỉ số tổng hợp), OECD đề xuất chuẩn hóa số liệu bằng cách lựa chọn giá trị ở phân vị 2,5 là giá trị thấp nhất của chỉ số thành phần. Nghiên cứu áp dụng phương pháp này cho ngưỡng dưới của dữ liệu và kiểm duyệt dữ liệu ở ngưỡng này.

Bước 2: Xác định ngưỡng tối ưu của các chỉ số thành phần. Nhằm xác định ngưỡng tối ưu (điểm tuyệt đối) của chỉ số thành phần, tác giả áp dụng phương pháp xác định theo đề xuất của Lafortune và cộng sự (2016), với sự tham khảo nghiên cứu của Sachs và cộng sự (2017). Cụ thể như sau:

- Sử dụng ngưỡng định lượng tuyệt đối theo các mục tiêu phát triển bền vững: nếu mục tiêu phát triển bền vững đề cập tới ngưỡng tuyệt đối, như không còn nạn đói, đảm bảo tất cả các trẻ em tốt nghiệp tiểu học và trung học cơ sở, thì ngưỡng tuyệt đối này được sử dụng như là ngưỡng tối ưu của chỉ số.

- Nếu một số địa phương đã vượt qua mục tiêu của SDG, sử dụng mức trung bình của năm địa phương là ngưỡng tối ưu. Ví dụ như các chỉ số thành phần về tăng trưởng GRDP và GRDP bình quân đầu người.

- Với các chỉ số thành phần còn lại, sử dụng mức trung bình của ba địa phương tốt nhất làm ngưỡng tối ưu.

Bước 3: Cho điểm các tỉnh theo chỉ số thành phần nhằm đảm bảo tính so sánh giữa các chỉ số. Để đảm bảo tính so sánh giữa các chỉ số thành phần, mỗi chỉ số được tính điểm từ 0 đến 100, với 0 thể hiện mức độ thực hiện kém nhất (phân vị 2,5) và 100 thể hiện mức độ tối ưu. Việc lựa chọn giá trị tối ưu và kiểm duyệt giá trị cực ở cả hai cực phân phối ảnh hưởng tới việc cho điểm chỉ số thành phần, từ đó ảnh hưởng tới xếp hạng của các tỉnh. Trong nghiên cứu này, mỗi chỉ số thành phần sẽ được kiểm duyệt, đảm bảo rằng tất cả các

giá trị vượt ngưỡng tối ưu sẽ có điểm 100 và các giá trị thấp hơn ngưỡng dưới sẽ có điểm số bằng 0.

Sau khi xác định ngưỡng trên và ngưỡng dưới của mỗi chỉ số thành phần, điểm số của mỗi tỉnh sẽ được tính trên thang đo từ 0 đến 100, sử dụng công thức cho điểm như sau:

$$x' = \frac{x - \min(x)}{\max(x) - \min(x)} \quad (1)$$

Trong đó: x là giá trị dữ liệu thô, $\max/\min$ để hiện ngưỡng trên và ngưỡng dưới của chỉ số và x' là điểm số của tỉnh.

Việc cho điểm như trên đảm bảo rằng, tất cả các chỉ số thành phần được cho điểm theo xu hướng tăng dần (điểm số cao hơn thể hiện rằng tỉnh đang thể hiện tốt hơn). Thông qua việc tính điểm, các chỉ số thành phần trở nên dễ dàng so sánh, giải thích và tích hợp thành chỉ số tổng quát, phục vụ việc đánh giá, xếp hạng mức độ phát triển bền vững của các tỉnh.

Bước 4: Tổng hợp các chỉ số thành phần thành chỉ số PSDI tổng thể.

** Xác định tỷ trọng*

Bước đầu tiên trong việc tổng hợp chỉ số PSDI là xác định trọng số của các chỉ số thành phần. Việc xác định trọng số sẽ có ảnh hưởng lớn tới việc đánh giá thực trạng phát triển bền vững của địa phương, cũng như thứ hạng của địa phương trên bảng xếp hạng tổng. Các nghiên cứu trước đây đưa ra bốn hướng tiếp cận trong việc xác định tỷ trọng, bao gồm: tỷ trọng bằng nhau (các chỉ số thành phần của mỗi mục tiêu phát triển bền vững có tỷ trọng bằng nhau trong việc tích hợp SDG, các SDG có tỷ trọng bằng nhau trong việc tích hợp SDI), tỷ trọng toán học, tỷ trọng theo ý kiến chuyên gia, tỷ trọng linh hoạt.

Tuy nhiên, các nghiên cứu phổ biến hiện nay như nghiên cứu của McKinley (2010) và Lafortune và cộng sự (2016) đều sử dụng phương pháp tỷ trọng bằng nhau. Việc sử dụng phương pháp này được lý giải do

các mục tiêu phát triển bền vững được lãnh đạo các quốc gia trên thế giới cho rằng có tầm quan trọng như nhau. Đồng thời, với đặc điểm của dữ liệu, các phương pháp toán học như PCA và factor loadings đều được xác định chưa phù hợp.

** Tích hợp chỉ số PSDI*

Các chỉ số thành phần được sử dụng để xác định điểm số từng mục tiêu phát triển bền vững (SDG) theo công thức trung bình cộng như sau:

$$I_i(N_{ij}, I_{ijk}) = \sum_{k=1}^{N_{ij}} \frac{1}{N_{ij}} I_{ijk} \quad (2)$$

Trong đó: I_{ijk} thể hiện điểm số của chỉ số k, mục tiêu SDG j cho địa phương i; N_{ij} thể hiện số lượng chỉ số mục tiêu thành phần của SDGj.

Chỉ tiêu PSDI tổng quát cho mỗi địa phương được xác định bằng công thức:

$$I_i(N_{ij}, N_{ij}, I_{ijk}) = \sum_{j=1}^{N_i} \frac{1}{N_i} \sum_{k=1}^{N_{ij}} \frac{1}{N_{ij}} I_{ijk} \quad (3)$$

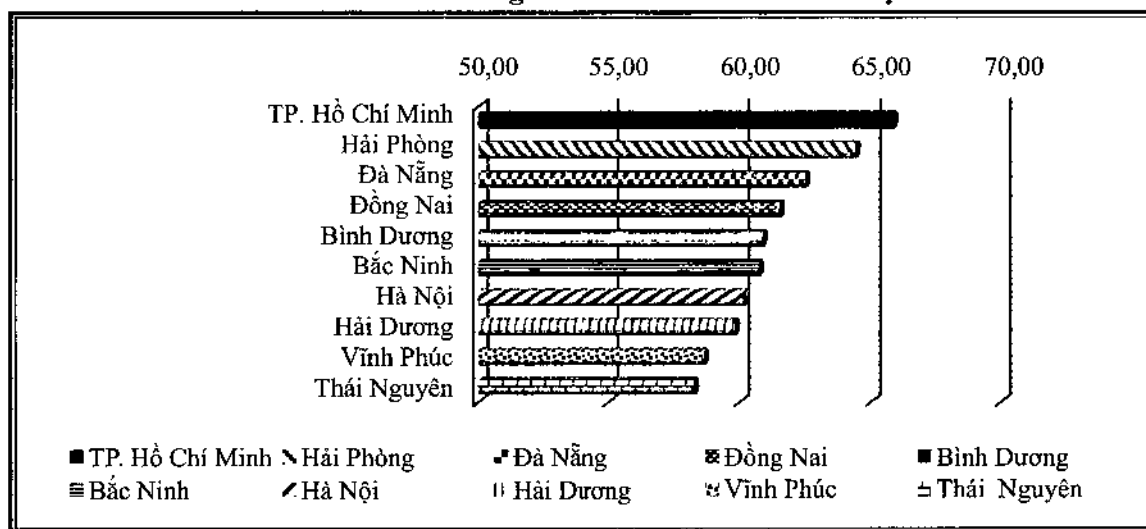
Trong đó: I_i là chỉ số phát triển bền vững của địa phương; N_i là số mục tiêu SDG mà địa phương có dữ liệu.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Tổng quan xếp hạng PSDI

Kết quả xếp hạng dựa vào phương pháp được đề xuất của tác giả cho thấy, Thành phố (TP.) Hồ Chí Minh là địa phương đứng đầu về chỉ số phát triển bền vững cấp tỉnh với 65,86 điểm, theo sau là Hải Phòng với 64,43 điểm. TP. Hồ Chí Minh đứng đầu danh sách do những vượt trội trong việc thực hiện các mục tiêu về xóa đói, đảm bảo an ninh lương thực, cải thiện dinh dưỡng và thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững và mục tiêu về xây dựng cơ sở hạ tầng có khả năng chống chịu cao, thúc đẩy công nghiệp hóa bao trùm và bền vững, tăng cường đổi mới. Các địa phương còn lại trong nhóm năm tỉnh dẫn đầu là: Đà Nẵng (62,51 điểm), Đồng Nai (61,54 điểm) và Bình Dương (60,88 điểm). Thủ đô Hà Nội đứng thứ bảy trong số 63 tỉnh, thành với 60,15 điểm.

HÌNH 2: Mười tỉnh đứng đầu về chỉ số PSDI của Việt Nam



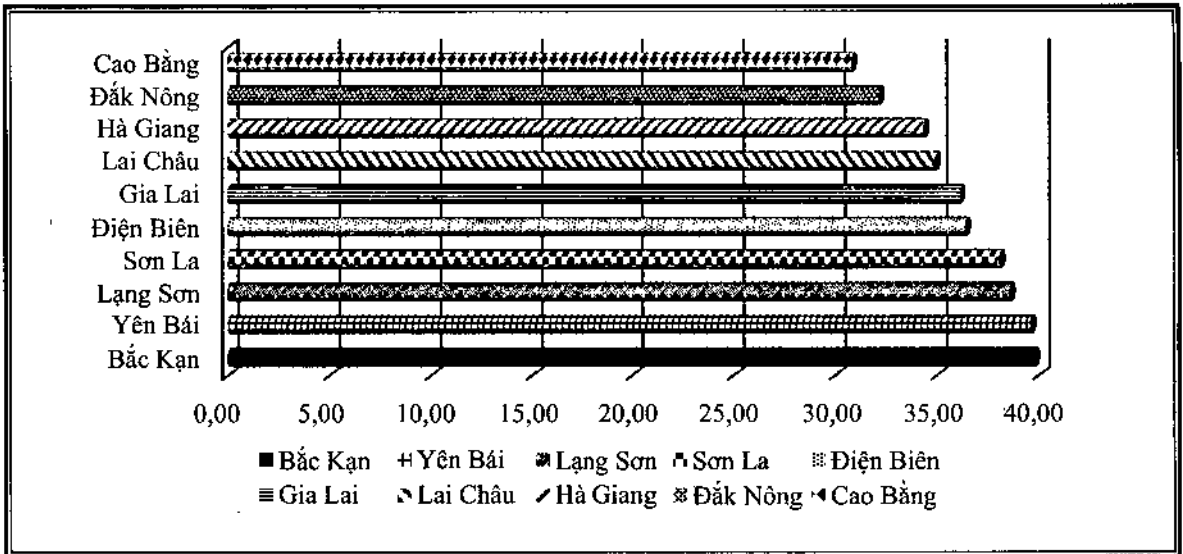
Nguồn: Tính toán của tác giả.

Ở chiều ngược lại, Cao Bằng là tỉnh có điểm số PSDI thấp nhất, với chỉ 30,85 điểm. Trong nhóm năm tỉnh cuối bảng xếp

hạng còn có Đắk Nông với 32,19 điểm, Hà Giang với 34,37 điểm, Lai Châu với 34,93 điểm và Gia Lai với 36,12 điểm. Các đại

diện còn lại trong nhóm mười tỉnh có chỉ số phát triển bền vững thấp nhất đều từ vùng núi phía Bắc, bao gồm: Bắc Kạn, Yên Bái, Lạng Sơn, Sơn La và Điện Biên.

HÌNH 3: Mười tỉnh đứng cuối về chỉ số PSDI của Việt Nam



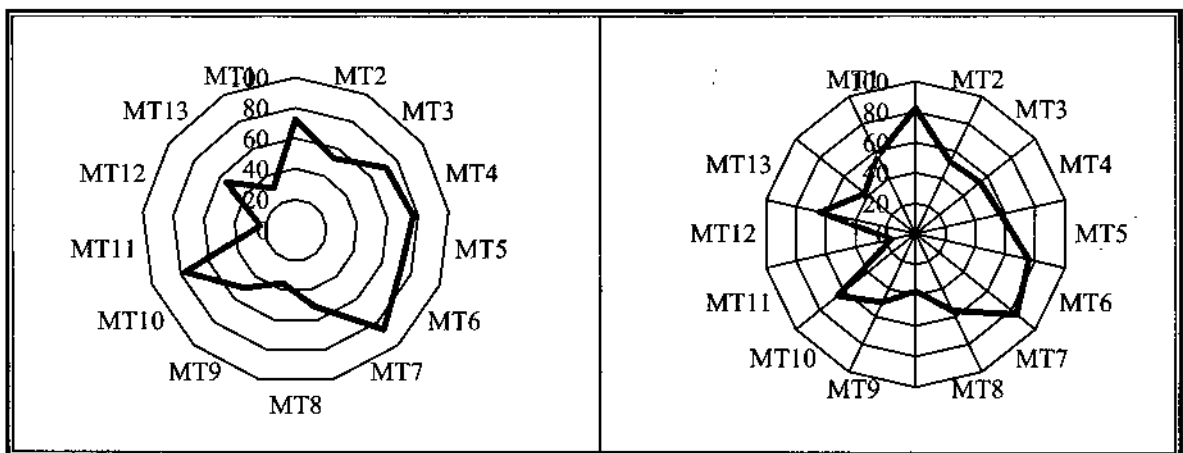
Nguồn: Tính toán của tác giả.

Xét theo vùng, hai vị trí dẫn đầu thuộc về vùng đồng bằng sông Hồng và Đông Nam bộ, với điểm số không có sự chênh lệch quá lớn, lần lượt là 58,13 và 56,65 điểm. Nếu vùng đồng bằng sông Hồng thể hiện sự vượt trội trong việc thực hiện mục tiêu 4 (về chất lượng giáo dục), mục tiêu 6 (nước sạch và vệ sinh) và mục tiêu 10 (đô thị và cộng đồng bền

vững), thì khu vực Đông Nam bộ lại thực hiện tốt các mục tiêu 1 (xóa nghèo), mục tiêu 12 (hòa bình, công bằng và thể chế vững mạnh) và mục tiêu 13 (hợp tác). Điểm số của hai vùng này cao hơn hẳn điểm số của vùng xếp thứ ba là Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung (50,09 điểm), thể hiện sự vượt trội của hai vùng trọng điểm.

HÌNH 4: Điểm số vùng Đồng bằng sông Hồng theo mục tiêu

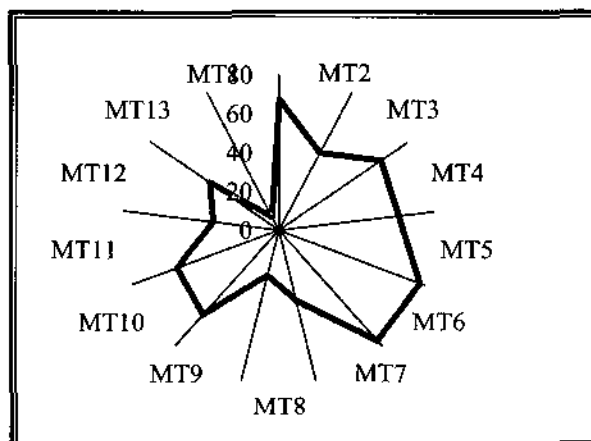
HÌNH 5: Điểm số vùng Đông Nam bộ theo mục tiêu



Nguồn: Tính toán của tác giả.

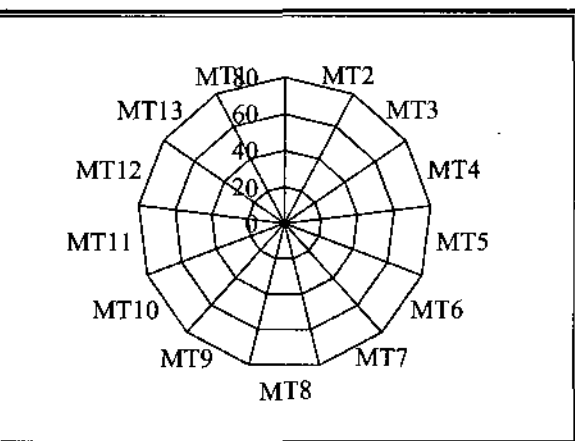
Đứng thứ ba trên bảng xếp hạng là vùng Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung, với điểm số có khoảng cách tương đối lớn với hai vùng đứng đầu (50,09 điểm). Vùng này thực hiện tương đối tốt các mục tiêu số 5, số 9 và số 11, nhưng còn cần cải thiện nhiều về các mục tiêu số 2, số 8 và số 13.

HÌNH 6: Điểm số vùng Bắc Trung bộ miền Trung theo mục tiêu



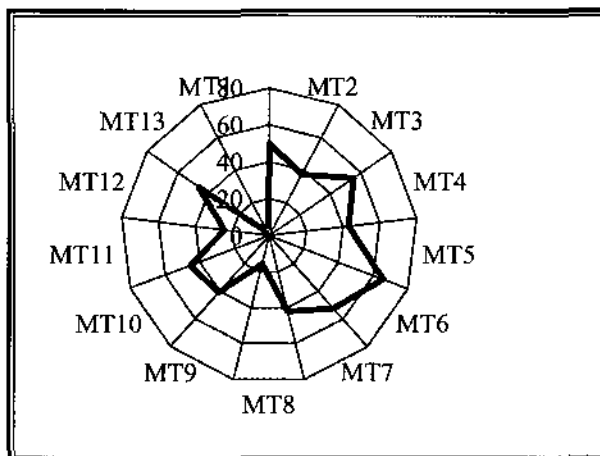
Vùng đồng bằng sông Cửu Long đứng thứ tư, với 47,17 điểm. Tương tự như vùng Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung, vùng đồng bằng sông Cửu Long có điểm số tốt cho các mục tiêu số 5 và số 6, nhưng còn cần phấn đấu ở các mục tiêu số 2, số 8 và số 13.

HÌNH 7: Điểm số vùng đồng bằng sông Cửu Long theo mục tiêu

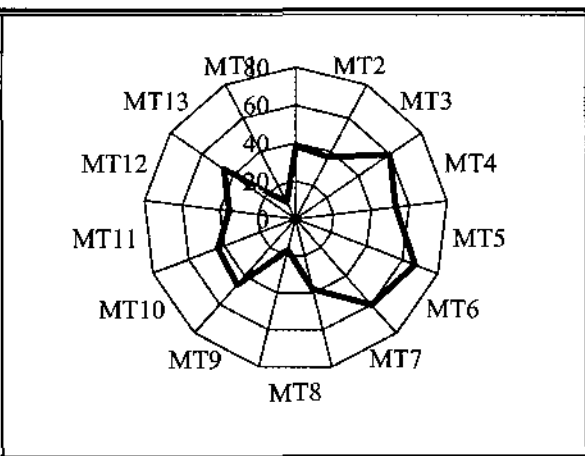


Nguồn: Tính toán của tác giả.

HÌNH 8: Điểm số vùng Tây Nguyên theo mục tiêu



HÌNH 9: Điểm số vùng trung du và miền núi phía Bắc theo mục tiêu



Nguồn: Tính toán của tác giả.

Đứng cuối bảng xếp hạng là vùng Tây Nguyên với 40 điểm. Phần lớn các mục tiêu vùng này đều có điểm số thấp nhất (hoặc thấp thứ hai, chỉ hơn vùng trung du và miền

núi phía Bắc), điển hình như mục tiêu 8 (công nghiệp, đổi mới và cơ sở hạ tầng) với 15,52 điểm và mục tiêu 13 (hợp tác) với 1,94 điểm. Xếp ngay trên vùng Tây

Nguyên, nhưng với điểm số không có nhiều khác biệt (42,37 điểm) là vùng trung du và miền núi phía Bắc. Vùng này thực hiện chưa tốt các mục tiêu số 1 và số 2 về xóa đói, giảm nghèo.

4.2. Kết quả thực hiện mục tiêu

Mục tiêu 1: xóa nghèo

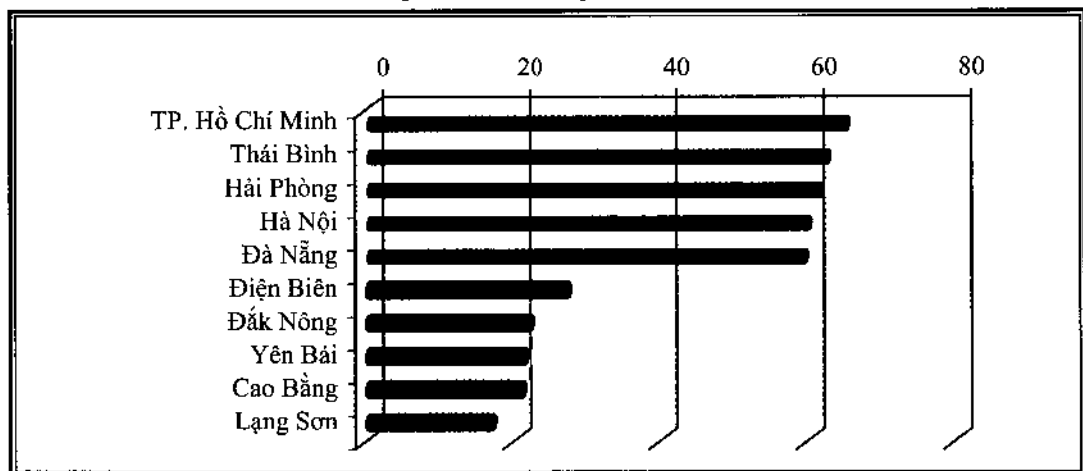
Mục tiêu 1 trong bộ chỉ tiêu phát triển bền vững đề cập tới việc chấm dứt mọi hình thức nghèo ở mọi nơi, được đo lường bằng các chỉ số về tỷ lệ hộ nghèo, số người đóng, hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố và tỷ lệ hộ dùng điện sinh hoạt. Kết quả xếp hạng không quá bất ngờ khi chỉ ra năm tỉnh đứng đầu là những tỉnh có kinh tế phát triển, như: Bình Dương, Đồng Nai, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh và Bà Rịa - Vũng Tàu. Không có đại diện nào của khu vực phía Bắc lọt vào nhóm tỉnh này. Các tỉnh đứng cuối bảng xếp hạng tập trung ở miền núi phía Bắc, với Hà Giang là tỉnh có điểm số thấp nhất, chỉ đạt 8,31 điểm. Đây cũng là mục tiêu có sự phân hóa tương đối rõ nét,

khi điểm số của tỉnh dẫn đầu gấp hơn 11 lần điểm số của tỉnh xếp cuối cùng.

Mục tiêu 2: xóa đói

Với mục tiêu xóa đói, được đo lường bằng các chỉ số về tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng, chỉ số giá tiêu dùng, TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng tiếp tục lọt top 05 tỉnh tốt nhất, trong đó TP. Hồ Chí Minh dẫn đầu với 65,20 điểm. Khu vực đồng bằng sông Hồng có ba đại diện trong nhóm dẫn đầu, bao gồm: Hà Nội, Hải Phòng và Thái Bình. Thái Bình bất ngờ là tỉnh có xếp hạng cao, do thực hiện tương đối các nội dung về bình ổn giá. Ở chiều ngược lại, các tỉnh thuộc vùng núi phía Bắc, bao gồm: Điện Biên, Yên Bái, Cao Bằng và Lạng Sơn chiếm bốn vị trí trong nhóm những tỉnh có điểm số thấp nhất. Khu vực Tây Nguyên có một đại diện trong nhóm, với Đắk Nông, xếp thứ 59/63 tỉnh, thành. Điểm số bình quân của các chỉ số mục tiêu 2 không có sự phân hóa lớn như mục tiêu 1, nhưng chỉ số thành phần về tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng có sự cách biệt lớn giữa các tỉnh.

HÌNH 10: Năm tỉnh đứng đầu và đứng cuối trong thực hiện mục tiêu 2



Nguồn: Tính toán của tác giả.

Mục tiêu 3: cuộc sống khỏe mạnh

Mục tiêu số 3 được đại diện bởi các chỉ số về tỷ suất chết của trẻ em, số ca nhiễm

các bệnh HIV, lao phổi, tỷ lệ tiêm vắc xin ở trẻ em, số nhân viên y tế và số giường bệnh trên mười nghìn dân. Đứng đầu trong số 63

tỉnh, thành là Đà Nẵng, với 85 điểm. Đà Nẵng thể hiện sự vượt trội so với các tỉnh còn lại, khi khoảng cách của Đà Nẵng với tỉnh thứ hai là xấp xỉ 6 điểm. Bốn đại diện còn lại trong nhóm năm tỉnh đứng đầu đều là các tỉnh phía Bắc, bao gồm: Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Thái Bình và Bắc Ninh. Điểm số của bốn tỉnh này không có sự chênh lệch lớn, dao động từ 74 đến 79 điểm.

Tỉnh đứng cuối cùng trong bảng xếp hạng là Lai Châu, với 42,81 điểm. Một điều đáng ngạc nhiên là tỉnh xếp ngay trên Lai Châu là Bà Rịa - Vũng Tàu, với số điểm không có nhiều sự cách biệt (43,42 điểm). Điểm số thấp của Bà Rịa - Vũng Tàu là do địa phương có số vụ tai nạn giao thông và số người chết vì tai nạn giao thông trên vạn dân cao nhất cả nước. Đồng thời, các chỉ tiêu về số nhân viên y tế trên vạn dân và số giường bệnh trên vạn dân đều ở mức thấp so với các tỉnh còn lại.

Mục tiêu 4: chất lượng giáo dục

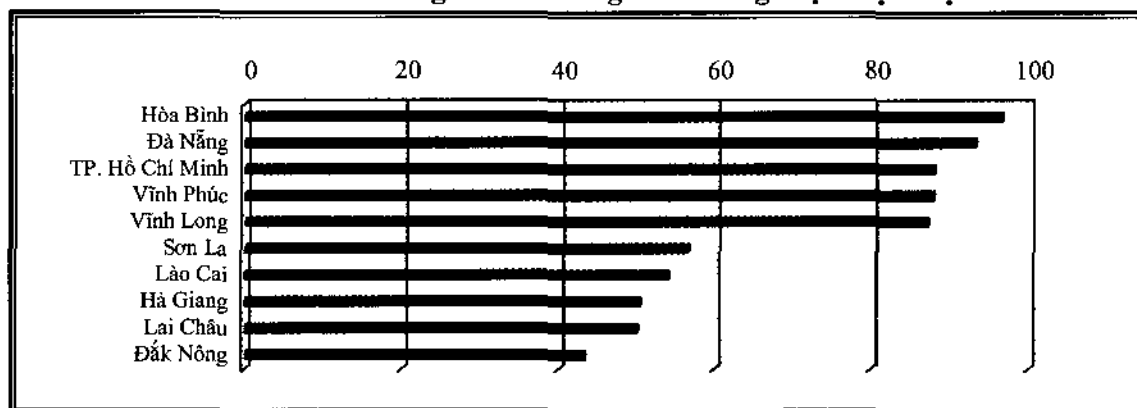
Mục tiêu số 4 về đảm bảo chất lượng giáo dục được xác định dựa trên các chỉ số thành phần như: tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học, tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi và hoàn thành cấp trung học cơ sở, điểm thi tốt nghiệp trung học phổ thông quốc gia, tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có trình độ đào tạo từ trung cấp trở lên... Với mục tiêu này, ba tỉnh đứng đầu

đều là các đại diện đến từ phía Bắc, bao gồm: Hà Nội, Ninh Bình, Hải Phòng với điểm số tương đối cao, lần lượt là 91,64 điểm, 84,53 điểm và 82,43 điểm. Vũng Tàu, ngược lại với mục tiêu 3, có mặt trong nhóm năm tỉnh đứng đầu ở mục tiêu số 4 với 81,90 điểm, theo sau là Đà Nẵng, với 78,89 điểm. Ở chiều ngược lại, các tỉnh đứng cuối bảng xếp hạng bao gồm: Kiên Giang, Ninh Thuận, Đắk Nông, Đắk Lắk và Hà Giang, trong đó điểm số của Hà Giang thấp nhất so với các tỉnh còn lại, chỉ đạt 21,33 điểm.

Mục tiêu 5: bình đẳng giới

Mục tiêu số 5 về bình đẳng giới bao gồm các chỉ số thành phần như: tỷ số giới tính khi sinh, dân số có vợ/chồng trong độ tuổi 15 - 19, tỷ lệ nữ đại biểu quốc hội, chênh lệch thu nhập nữ/nam... Với mục tiêu này, một điều tương đối bất ngờ là Hòa Bình trở thành tỉnh dẫn đầu cả nước, với số điểm 96,63 điểm, theo sau là Đà Nẵng với 93,23 điểm. Các tỉnh còn lại trong nhóm năm tỉnh dẫn đầu là: TP. Hồ Chí Minh, Vĩnh Phúc, Vĩnh Long có số điểm tương tự nhau và không vượt quá 90, lần lượt là 88,00 điểm, 87,85 điểm và 87,09 điểm. Đứng cuối bảng xếp hạng tiếp tục là các đại diện đến từ miền núi phía Bắc và Tây Nguyên, bao gồm: Sơn La (56,62 điểm), Lào Cai (54,17 điểm), Hà Giang (50,54 điểm), Lai Châu (50,16 điểm) và Đắk Nông (43,41 điểm).

HÌNH 11: Năm tỉnh đứng đầu và đứng cuối trong thực hiện mục tiêu 5



Nguồn: Tính toán của tác giả.

Mục tiêu 6: nước sạch và vệ sinh

Mục tiêu về nước sạch và vệ sinh được thể hiện bởi các chỉ số thành phần về tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch, tỷ lệ hộ được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh và tỷ lệ hộ sử dụng hố xí hợp vệ sinh. Với mục tiêu này, năm tỉnh đứng đầu bao gồm: Hải Dương, Vũng Tàu, Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh và Thái Bình với điểm số không quá chênh lệch, đều dao động quanh ngưỡng 97 điểm. Trong khi đó, các đại diện ở nhóm cuối cùng chủ yếu đến từ miền núi phía Bắc và khu vực Tây Nguyên, với các tỉnh Đắk Lắk (49,70 điểm), Cao Bằng (44,24 điểm), Hòa Bình (42,62 điểm), Gia Lai (25,76 điểm) và Điện Biên (15,04 điểm).

Mục tiêu 7: việc làm đầy đủ và tăng trưởng kinh tế

Không quá bất ngờ khi năm địa phương đứng đầu cả nước về chỉ tiêu việc làm và tăng trưởng kinh tế đều là các tỉnh, thành phố lớn của cả nước. Đây cũng là chỉ tiêu duy nhất Thủ đô Hà Nội đứng đầu với 73,30 điểm, nhờ thực hiện tốt cả mục tiêu về tăng trưởng GRDP, nâng cao thu nhập người dân và tạo công ăn việc làm cho người lao động. TP. Hồ Chí Minh đứng thứ hai với 70,61 điểm, theo sau là Bình Dương với 67,4 điểm, Hải Phòng với 64,8 điểm và Bà Rịa - Vũng Tàu với 58,96 điểm.

Ở chiều ngược lại, các tỉnh đứng cuối bảng xếp hạng bao gồm: Quảng Nam (28,58 điểm), Quảng Trị (27,68 điểm), Vĩnh Long (27,56 điểm), Điện Biên (26,35 điểm) và Lạng Sơn (24,23 điểm). Đây là lần đầu tiên có sự xuất hiện của các tỉnh duyên hải miền Trung ở cuối bảng xếp hạng. Tỉnh Lạng Sơn đứng cuối bảng xếp hạng do đạt điểm số thấp ở các chỉ số thành phần về tổng sản phẩm trên địa bàn, năng suất lao động xã hội và tỷ lệ thiếu việc làm.

Mục tiêu 8: công nghiệp, đổi mới và cơ sở hạ tầng

Mục tiêu về công nghiệp, đổi mới và cơ sở hạ tầng được đại diện bởi các chỉ số thành phần như: số lượng hàng hóa/hành khách vận chuyển, luân chuyển, tỷ trọng ngành công nghiệp, tỷ trọng lao động ngành công nghiệp hay tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ trên tổng chi ngân sách địa phương... Với những chỉ số thành phần kể trên, không ngạc nhiên khi TP. Hồ Chí Minh là địa phương dẫn đầu với 64,96 điểm. Thành phố đạt điểm số cao ở phần lớn các chỉ số thành phần như: số lượt hành khách vận chuyển, tỷ lệ lao động qua đào tạo, tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ hay số tổ chức khoa học, công nghệ. Thành phố vượt xa các địa phương còn lại trong nhóm năm tỉnh dẫn đầu bao gồm: Hà Nội (49,40 điểm), Ninh Bình (48,85 điểm), Hải Phòng (47,84 điểm) và Quảng Ninh (45,92 điểm). Các địa phương đứng cuối bảng xếp hạng vẫn là các đại diện đến từ khu vực miền núi phía Bắc và Tây Nguyên, bao gồm: Lạng Sơn (12,59 điểm), Điện Biên (10,61 điểm), Đắk Nông (9,75 điểm), Hà Giang (7,44 điểm) và Sơn La (7,17 điểm).

Mục tiêu 9: giảm bất bình đẳng

Mục tiêu về giảm bất bình đẳng trong xã hội là mục tiêu có sự chênh lệch về điểm số ít nhất trong số các mục tiêu phát triển bền vững, khi điểm số của địa phương dẫn đầu gấp chưa tới hai lần điểm số địa phương đứng cuối. Điểm của mục tiêu này được tính toán dựa trên các chỉ số thành phần bao gồm: tốc độ tăng trưởng thu nhập/chỉ tiêu bình quân đầu người và chênh lệch thu nhập giữa nhóm cao nhất và thấp nhất. Nhóm năm địa phương đứng đầu bao gồm: Phú Thọ, Bình Định, Hải Dương, Quảng Nam và Vĩnh Phúc.

Mục tiêu 10: đô thị và cộng đồng bền vững

Mục tiêu 10 về phát triển đô thị và cộng đồng bền vững được tính toán từ các chỉ số về: tỷ lệ hộ dân không có nhà ở hoặc đang ở lán tạm, tỷ lệ chất thải rắn được thu gom,

xử lý hay tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới. Với mục tiêu này, cả năm tỉnh đứng đầu đều thuộc khu vực đồng bằng sông Hồng, trong đó, Thái Bình là địa phương xếp thứ nhất, với 88,10 điểm. Địa phương này có hai chỉ số đạt số điểm tối đa, bao gồm tỷ lệ dân số ở nhà lán tạm và tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, hai chỉ tiêu với điểm số trên 90, bao gồm tỷ lệ chất thải rắn được thu gom, xử lý và số di tích văn hóa lịch sử cấp quốc gia. Các địa phương còn lại trong nhóm năm địa phương dẫn đầu bao gồm: Hà Nội (89,2 điểm), Hà Nam (85,77 điểm), Nam Định (81,28 điểm) và Bắc Ninh (80,24 điểm). Năm vị trí cuối bảng xếp hạng là các tỉnh ở khu vực miền núi phía Bắc, bao gồm: Điện Biên (36,9 điểm), Lạng Sơn (34,69 điểm), Hà Giang (32,20 điểm), Sơn La (31,86 điểm) và Bắc Kạn (20,02 điểm). Tỉnh Bắc Kạn không đạt được điểm số nào cho các chỉ số về tỷ lệ dân số ở lán tạm và số xã đạt nông thôn mới, tỉnh cũng đạt điểm số thấp (dưới 22 điểm) cho các chỉ số về số di tích văn hóa lịch sử cấp quốc gia và số người chết, mất tích và bị thương do thiên tai.

Mục tiêu 11: tài nguyên đất (bảo vệ rừng)

Mục tiêu về bảo vệ tài nguyên đất (bảo vệ rừng) được tính toán dựa trên các chỉ số về thay đổi diện tích rừng và tỷ lệ che phủ rừng ở các địa phương. Với mục tiêu này, Ninh Thuận là địa phương đứng đầu, với điểm số 80,95 điểm, theo sau là Điện Biên (79,59 điểm), Bình Thuận (73,18 điểm), Kiên Giang (68,11 điểm) và Sơn La (56,72 điểm). Các địa phương đứng cuối bảng xếp hạng bao gồm: Bình Dương (14,17 điểm), Sóc Trăng (11,90 điểm), Bạc Liêu (7,64 điểm), Đắk Nông (4,33 điểm) và Thành phố Hồ Chí Minh (0 điểm).

Mục tiêu 12: hòa bình, công bằng và thể chế vững mạnh

Mục tiêu về hòa bình, công bằng và thể

chế được tính toán dựa trên các chỉ tiêu về: tỷ lệ chi ngân sách nhà nước so với dự toán, chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính và tỷ lệ doanh nghiệp phải trả chi phí không chính thức (Báo cáo PCI năm 2019). Kết quả không bất ngờ khi Quảng Ninh là tỉnh đứng đầu cả nước, với điểm số 85,53 điểm. Địa phương này cũng đồng thời đạt điểm tối đa trong chỉ số về sự hài lòng về phục vụ hành chính và điểm số tương đối cao về tỷ lệ chi/dự toán chi ngân sách nhà nước. Các tỉnh còn lại của nhóm năm địa phương dẫn đầu bao gồm: Cà Mau (80,53 điểm), Trà Vinh (79,74 điểm), Hưng Yên (79,49 điểm) và An Giang (77,08 điểm). Năm tỉnh ở cuối bảng xếp hạng bao gồm: Bình Thuận (27,71 điểm), Thái Bình (27,35 điểm), Tiền Giang (26,96 điểm), Đắk Lắk (23,22 điểm) và Cao Bằng (12,49 điểm). Cao Bằng là tỉnh đứng cuối cùng của bảng xếp hạng với điểm số thấp hơn hẳn các tỉnh còn lại. Cao Bằng không đạt điểm số nào cho chỉ số thành phần về chi phí phi chính thức và điểm số rất thấp (2,16 điểm) về chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính tại địa phương.

Mục tiêu 13: hợp tác để thực hiện hóa các mục tiêu

Mục tiêu số 13 về hợp tác đánh giá độ mở của nền kinh tế địa phương, dựa trên các chỉ tiêu về tổng kim ngạch xuất nhập khẩu trên GRDP và tỷ trọng vốn FDI trên tổng vốn đầu tư toàn xã hội. Các địa phương đứng đầu bảng xếp hạng đều là các địa phương sở hữu các khu/cụm công nghiệp lớn, như: Bắc Ninh (81,38 điểm), Bình Dương (69,96 điểm), Thái Nguyên (62,80 điểm), TP. Hồ Chí Minh (62,18 điểm) và Đồng Nai (53,90 điểm). Bắc Ninh có sự vượt trội so với các địa phương còn lại, do đạt điểm số tuyệt đối về tổng kim ngạch xuất nhập khẩu trên GRDP và điểm số tương đối cao về tỷ trọng vốn FDI trên tổng vốn đầu tư toàn xã hội (62,76 điểm).

Mặc dù Thái Nguyên có điểm số tuyệt đối với chỉ số thành phần thứ nhất, nhưng tỷ trọng vốn FDI thấp, nên chỉ đạt điểm số 25,60 điểm, chỉ xếp thứ ba. Ngược lại, Bình Dương và TP. Hồ Chí Minh đạt điểm số rất cao về vốn FDI (lần lượt là 95,80 và 100 điểm), nhưng tổng kim ngạch xuất nhập khẩu trên GRDP chỉ đạt lần lượt 44,12 điểm và 24,5 điểm, nên lần lượt xếp thứ hai và thứ tư cả nước.

Đứng cuối bảng xếp hạng là các tỉnh miền trung du miền núi phía Bắc và Tây Nguyên, bao gồm: Đắk Nông, Cao Bằng, Lai Châu, Bắc Kạn và Sơn La với điểm số rất thấp (0 - 0,55 điểm). Điều này thể hiện sự khó khăn của các địa phương trong việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài, cũng như thúc đẩy các hoạt động xuất khẩu trên địa bàn.

5. Kết luận

Nghiên cứu đã xây dựng được PSDI cho Việt Nam, dựa trên các mục tiêu phát triển bền vững của thế giới, Việt Nam và căn cứ vào tính sẵn có của số liệu. Phương pháp sử dụng để tính toán chỉ số PSDI tương tự như phương pháp đang được áp dụng bởi các tổ chức quốc tế như Liên hợp quốc, ADB hay các quốc gia khác. Việc xây dựng chỉ số PSDI lần đầu tiên cho các địa phương ở Việt Nam đã đưa ra bảng xếp hạng tổng quát về phát triển bền vững cấp tỉnh, đồng thời chỉ ra những điểm mạnh, điểm yếu của từng khu vực và từng địa phương.

Kết quả xếp hạng theo tỉnh tổng quát cho thấy: TP. Hồ Chí Minh là địa phương đứng đầu do những vượt trội trong việc thực hiện các mục tiêu về xóa đói, đảm bảo an ninh lương thực, cải thiện dinh dưỡng, thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững và mục tiêu về xây dựng cơ sở hạ tầng có khả năng chống chịu cao, thúc đẩy công nghiệp hóa bao trùm và bền vững, tăng cường đổi mới; các địa phương còn lại trong nhóm năm tỉnh dẫn đầu là: Đà Nẵng, Đồng Nai và Bình

Dương; Thủ đô Hà Nội không ở trong nhóm năm địa phương dẫn đầu, mà đứng thứ bảy trong số 63 tỉnh thành với 60,15 điểm.

Xét theo vùng, hai vị trí dẫn đầu thuộc về vùng đồng bằng sông Hồng và Đông Nam bộ, với điểm số không có sự chênh lệch quá lớn. Điểm số của hai vùng này cao hơn hẳn điểm số của vùng xếp thứ ba là Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung, thể hiện sự vượt trội của hai vùng trọng điểm của cả nước. Đứng thứ ba trên bảng xếp hạng là vùng Bắc trung bộ và duyên hải miền Trung. Đây là vùng thực hiện tương đối tốt các mục tiêu số 5, số 9 và số 11, nhưng còn cần cải thiện nhiều về các mục tiêu số 2, số 8 và số 13. Vùng đồng bằng sông Cửu Long đứng thứ tư, với điểm số cao cho các mục tiêu số 5 và số 6, nhưng còn cần phấn đấu ở các mục tiêu số 2, số 8 và số 13. Đứng cuối bảng xếp hạng là vùng Tây Nguyên. Phần lớn các mục tiêu, vùng này đều có điểm số thấp nhất (hoặc thấp thứ hai, chỉ hơn vùng trung du và miền núi phía Bắc). Xếp ngay trên vùng Tây Nguyên, nhưng với điểm số không có nhiều khác biệt là vùng trung du và miền núi phía Bắc. Vùng này thực hiện chưa tốt các mục tiêu số 1 và số 2 về xóa đói, giảm nghèo.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Báo cáo PCI, 2019.
2. Bộ Y tế (2019), Niên giám Thống kê y tế
3. Bộ Kế hoạch và đầu tư (2019), Thông tư 03/2019/TT-BKHĐT ngày 22-1-2019 quy định bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam.
4. Camagni Roberto (2017), 'Sustainable urban development: Definition and reasons for a research programme', In: Capello R. (eds), *Seminal studies in regional and urban economics*, Springer, Cham.
5. Lafortune G., Fuller G., Moreno J., Schmidt-Traub G., Kroll C. (2016), 'SDG index and

- dashboards', <https://raw.githubusercontent.com/sdsna/2018GlobalIndex/master/2018GlobalIndexMethodology.pdf>.
6. Liên hợp quốc (2014), "Con đường tới nhân phẩm vào năm 2030: Kết thúc nghèo đói, cải cách cuộc sống và bảo vệ hành tinh – Báo cáo tổng hợp của Tổng thư ký về Chương trình nghị sự sau năm 2015".
 7. Mensah Justice (2019), 'Sustainable development: Meaning, history, principles, pillars, and implications for human action: Literature review', *Cogent Social Sciences*, Vol. 5, No. 1.
 8. McKinley Terry (2010), 'Inclusive growth criteria and indicators: An inclusive growth index for diagnosis of country progress', *ADB Sustainable Development Working Paper Series*, No. 4.
 9. Niên giám Thống kê địa phương (2019).
 10. Sachs và cộng sự (2017), *SDGs Dashboard and Index* (trích dẫn tại trang 6)
 11. The Government of the Socialist Republic of Vietnam and the United Nations in Vietnam (2017), *One Strategic Plan 2017 - 2021*.
 12. Tổng cục Thống kê (2020a), *Kết quả điều tra mức sống hộ gia đình năm 2019*.
 13. Tổng cục Thống kê (2020b), *Kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*.
 14. UNDP (2018), *Báo cáo thường niên UNDP (Bổ sung)*. United Nation, Sustainable Development Goals, <https://www.un.org/sustainabledevelopment/>.
 15. Ủy ban Thế giới về môi trường và phát triển WCED (1987), *Báo cáo: Tương lai chung của chúng ta*.

Ngày nhận bài : 02-12-2020

Ngày nhận bản sửa : 18-01-2021

Ngày duyệt đăng : 21-01-2021